BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ Y TẾ

STT	Kí hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	001.N/BCB-YT	Chiều cao và cân nặng trung bình của thanh niên	5 Năm	Ngày 20 tháng 4 năm sau năm báo cáo
2	002.N/BCB-YT	Tỷ lệ thanh niên hút thuốc lá và uống rượu bia	5 Năm	Ngày 20 tháng 4 năm sau năm báo cáo
3	003.N/BCB-YT	Tình hình nhiễm HIV và tử vong do HIV/AIDS của thanh niên	Năm	Ngày 20 tháng 4 năm sau năm báo cáo
4	004.N/BCB-YT	Tình hình Kế hoạch hóa gia đình và phá thai của thanh niên/vị thành niên	Năm	Ngày 20 tháng 4 năm sau năm báo cáo
5	005.N/BCB-YT	Công tác tuyên truyền thay đổi hành vi của thanh niên đối với những đối tượng dễ bị tổn thương	Năm	Ngày 20 tháng 4 năm sau năm báo cáo

Biểu số: 001.N/BCB-YT

Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019

Ngày nhận báo cáo:
Ngày 20/4 năm sau năm báo cáo

CHIỀU CAO VÀ CÂN NẶNG TRUNG BÌNH CỦA THANH NIÊN

Năm…

Đơn vị báo cáo: Bộ Y tế
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Nội vụ

	Mã số	Chiều cao trung bình của thanh niên (cm)		Cân nặng trung bình của thanh niên (kg)	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ
A	B	1	2	3	4
Tổng số	01				
1. Chia theo dân tộc					
- Kinh	02				
- Khác	03				
2. Chia theo nhóm tuổi					
- Từ 16-20 tuổi	04				
- Từ 21-25 tuổi	05				
- Từ 26-30 tuổi	06				
3. Chia theo dân tộc					
Kinh	7				
Khác	8				
4. Chia theo thành thị/nông thôn					
Thành thị	9				
Nông thôn	10				
5. Chia theo tỉnh/thành phố					
(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính)	11				

Ngày … tháng… năm…

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 001.N/BCB-YT: Chiều cao và cân nặng trung bình của thanh niên

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Chiều cao trung bình của thanh niên được tính bằng chiều cao trung bình của dân số từ đủ 16-30 tuổi.

- Cân nặng trung bình của thanh niên được tính bằng cân nặng trung bình của dân số từ đủ 16-30 tuổi.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi chiều cao trung bình của nam thanh niên tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 2: Ghi chiều cao trung bình của nữ thanh niên tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 3: Ghi cân nặng trung bình của nam thanh niên tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 4: Ghi cân nặng trung bình của nữ thanh niên tương ứng với các dòng ở cột A.

3. Nguồn số liệu

Điều tra nhân trắc của Viện dinh dưỡng.

Biểu số: 002.N/BCB-YT

Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm: Ngày 20/4 năm sau năm báo cáo

TỶ LỆ THANH NIÊN HÚT THUỐC LÀ VÀ UỐNG RƯỢU BIA

Năm…

Đơn vị báo cáo: Bộ Y tế

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Nội vụ

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ thanh niên hút thuốc lá		Tỷ lệ thanh niên uống rượu bia		Tỷ lệ thanh niên uống rượu bia đến mức nguy hại	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
A	B	1	2	3	4	5	6
Tổng số	01						
1. Chia theo nhóm tuổi							
- Từ đủ 16 tuổi đến 20 tuổi	02						
- Từ 21 tuổi đến 25 tuổi	03						
- Từ 26 tuổi đến 30 tuổi	04						
2. Chia theo thành thị/nông thôn							
Thành thị	05						
Nông thôn	06						
3. Chia theo tỉnh, thành phố				x	x	x	x
(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính)	07			x	x	x	x
	…						

Ngày … tháng… năm…

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 002.N/BCB-YT: Tỷ lệ thanh niên hút thuốc lá và uống rượu bia

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Tỷ lệ thanh niên hút thuốc lá được xác định bằng số thanh niên hiện tại có hút thuốc lá được điều tra trên tổng số thanh niên được điều tra.

- Tỷ lệ thanh niên uống rượu bia được tính theo 2 cấp độ:

+ Tỷ lệ thanh niên hiện tại uống rượu bia là những thanh niên được điều tra có uống rượu bia trong 30 ngày qua.

+ Tỷ lệ thanh niên uống rượu bia quá độ là những thanh niên trong 30 ngày qua có ít nhất một lần uống từ 6 đơn vị cồn trở lên.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tỷ lệ nam thanh niên hút thuốc lá tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 2: Ghi tỷ lệ nữ thanh niên hút thuốc lá tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 3: Ghi tỷ lệ nam thanh niên uống rượu bia tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 4: Ghi tỷ lệ nữ thanh niên uống rượu bia tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 5: Ghi tỷ lệ nam thanh niên uống rượu bia đến mức nguy hại tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 6: Ghi tỷ lệ nữ thanh niên uống rượu bia đến mức nguy hại tương ứng với các dòng ở cột A.

3. Nguồn số liệu

Điều tra thống kê.

Biểu số: 003.N/BCB-YT

Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019

Ngày nhận báo cáo:
Báo cáo năm: Ngày 20/4 năm sau năm báo cáo

TÌNH HÌNH NHIỄM HIV VÀ TỬ VONG DO HIV/AIDS CỦA THANH NIÊN

Năm…

Đơn vị báo cáo: Bộ Y tế
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Nội vụ

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Số thanh niên hiện nhiễm HIV			Số thanh niên tử vong do HIV/AIDS được báo cáo	
		Tổng số	Trong đó: Số mới phát hiện	Số thanh niên nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng vi-rút HIV	Số chết trong kỳ	Số tích lũy từ ca đầu tiên
A	B	1	2	3	4	5
Tổng số	01					
1. Chia theo giới tính						
- Nam	02					
- Nữ	03					
2. Chia theo nhóm tuổi						
- Từ đủ 16 tuổi đến 20 tuổi	04					
- Từ 21 tuổi đến 25 tuổi	05					
- Từ 26 tuổi đến 30 tuổi	06					
3. Chia theo thành thị/nông thôn		x	x		x	x
Thành thị	07	x	x		x	x
Nông thôn	08	x	x		x	x
4. Chia theo tỉnh, thành phố						
(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính)	09					
	11					

Ngày … tháng… năm…

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 003.N/BCB-YT: Tình hình nhiễm HIV và tử vong do HIV/AIDS của thanh niên

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Số thanh niên nhiễm HIV là những người từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi được cơ quan y tế phát hiện bị nhiễm virus gây suy giảm miễn dịch (virus HIV), AIDS là hội chứng suy giảm miễn dịch ở giai đoạn cuối của HIV.

- Số thanh niên nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng vi-rút HIV là những người từ đủ 16 đến 30 tuổi nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng vi-rút HIV.

- Số thanh niên bị chết do HIV/AIDS là những người từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi chết do căn bệnh HIV/AIDS. Người bị HIV/AIDS thường đồng thời bị mắc bệnh và chết bởi nhiều bệnh nguy hiểm khác nhau. Trong tất cả các nguyên nhân gây ra chết đó vẫn tính những người này là người chết do HIV/AIDS.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số thanh niên được phát hiện nhiễm HIV trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng trong cột A.

- Cột 2: Ghi số thanh niên mới được phát hiện nhiễm HIV trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng trong cột A.Cột 3: Ghi số thanh niên nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng vi-rút HIV tương ứng với các dòng trong cột A.

- Cột 4: Ghi số thanh niên mắc HIV/AIDS mới chết trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng trong cột A.

- Cột 5: Ghi số cộng dồn thanh niên chết do HIV/AIDS từ ca đầu tiên đến cuối kỳ báo cáo tương ứng với các dòng trong cột A.

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của Bộ Y tế.

Biểu số: 004.N/BCB-YT

Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm: Ngày 20/4 năm sau năm báo cáo

TÌNH HÌNH KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH VÀ PHÁ THAI CỦA THANH NIÊN/VỊ THÀNH NIÊN

Năm…

Đơn vị báo cáo: Bộ Y tế

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Nội vụ

	Mã số	Tỷ lệ nữ thanh niên có nhu cầu kế hoạch hóa gia đình chưa được đáp ứng		Số lượt phá thai tại các cơ sở y tế được cấp phép (lượt)	
		Giãn khoảng cách sinh	Hạn chế số con	Tổng số	Số lượt phá thai của phụ nữ từ 15-19 tuổi
A	B	1	2	3	4
Tổng số	01				
1. Chia theo tình trạng hôn nhân					
- Có chồng	02				
- Chưa có chồng	03				
2. Chia theo dân tộc					
Kinh	04				
Khác	05				
3. Chia theo nhóm tuổi					
- Từ đủ 16 tuổi đến 20 tuổi	05			x	x
- Từ 21 tuổi đến 25 tuổi	06			x	x
- Từ 26 tuổi đến 30 tuổi	07			x	x
4. Chia theo trình độ học vấn				x	x
Chưa đi học	08			x	x
Chưa tốt nghiệp tiểu học	09			x	x
Tốt nghiệp tiểu học	10			x	x
Tốt nghiệp THCS	11			x	x
Tốt nghiệp THPT	12			x	x
Có trình độ chuyên môn kỹ thuật	13			x	x
5. Chia theo thành thị/nông thôn					
Thành thị	14				
Nông thôn	15				
6. Chia theo tỉnh, thành phố					

(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính)	16				
	…				

Ngày … tháng… năm…

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 004.N/BCB-YT: Tình hình kế hoạch hóa gia đình và phá thai của thanh niên/vị thành niên

1. Khái niệm, phương pháp tính

* Nhu cầu tránh thai không được đáp ứng là nói về các phụ nữ có khả năng sinh sản đã kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng và hiện không sử dụng bất kỳ biện pháp tránh thai nào, nhưng muốn trì hoãn sinh đứa con tiếp theo (giãn khoảng cách sinh) hoặc muốn dừng mang thai (hạn chế số con).

Nhu cầu không được đáp ứng về khoảng cách sinh được định nghĩa là phần trăm phụ nữ hiện đã kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng và không sử dụng bất kỳ biện pháp tránh thai nào và:

- Hiện không mang thai và không trong thời kỳ mãn kinh sau sinh, có khả năng sinh sản, nhưng muốn chờ thêm 2 năm hoặc hơn mới sinh đứa con tiếp theo, hoặc:

- Hiện không mang thai và không trong thời kỳ mãn kinh sau sinh, có khả năng sinh sản, và không chắc muốn có thêm con, hoặc:

- Hiện có thai và nói rằng việc có thai này không đúng lúc và muốn chờ thêm thời gian nữa, hoặc:

- Hiện mãn kinh sau sinh và nói rằng đứa trẻ sinh ra không đúng lúc và đã muốn đợi thêm.

Nhu cầu không được đáp ứng về hạn chế số con, được định nghĩa là phần trăm phụ nữ đã kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng và không sử dụng bất kỳ một biện pháp tránh thai nào và:

- Hiện không mang thai và không trong thời kỳ mãn kinh sau sinh, có khả năng sinh sản và nói rằng họ không muốn sinh thêm con, hoặc:

- Đang mang thai và nói rằng họ không muốn có con, hoặc:

- Đang trong thời kỳ mãn kinh sau sinh và nói rằng họ không muốn sinh đứa con này.

Tổng nhu cầu không được đáp ứng là tổng cộng của nhu cầu không được đáp ứng về khoảng cách sinh và về hạn chế số con.

* Tình hình phá thai của nữ vị thành niên từ 15-19 tuổi nhằm đánh giá yếu tố tác động đến sức khỏe cũng như hạn chế khả năng của người phụ nữ về nhiều lĩnh vực do phá thai, đánh giá tác động của công tác tuyên truyền vận động kế hoạch hóa gia đình và nhận thức của các bà mẹ về tác hại của phá thai. Đồng thời có thêm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch hoạt động cung cấp nhân lực, thuốc men và dụng cụ tránh thai.

Một trường hợp phá thai là một lần thông qua các biện pháp nghiệp vụ y tế loại bỏ mang thai sau khi thử thai có kết quả dương tính.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tỷ lệ nữ thanh niên có nhu cầu kế hoạch hóa gia đình chưa được đáp ứng do muốn giãn khoảng cách sinh trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng trong cột A.

- Cột 2: Ghi tỷ lệ nữ thanh niên có nhu cầu kế hoạch hóa gia đình chưa được đáp ứng do muốn hạn chế số con trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng trong cột A.

- Cột 3: Ghi tổng số lượt phá thai trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng trong cột A.

- Cột 4: Ghi Số lượt phá thai của phụ nữ từ 15-19 tuổi trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng trong cột A.

3. Nguồn số liệu

- Dữ liệu hành chính

- Điều tra thống kê

Biểu số: 005.N/BCB-YT

Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm: Ngày 20/4 năm sau năm báo cáo

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN THAY ĐỔI HÀNH VI, THÁI ĐỘ KÌ THỊ CỦA THANH NIÊN ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

Đơn vị báo cáo: Bộ Y tế

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Nội vụ

Năm…

	Mã số	Số thanh niên được tuyên truyền thay đổi hành vi thái độ kỳ thị, phân biệt đối xử với các đối tượng thanh niên dễ bị tổn thương, người đồng tính, song tính, chuyển giới
A	B	1
Tổng số	01	
1. Chia theo giới tính		
- Nam	02	
- Nữ	03	
2. Chia theo nhóm tuổi		
- Từ đủ 16 tuổi đến 20 tuổi	04	
- Từ 21 tuổi đến 25 tuổi	05	
- Từ 26 tuổi đến 30 tuổi	06	
3. Chia theo thành thị/nông thôn		
Thành thị	07	
Nông thôn	08	
4. Chia theo tỉnh, thành phố		
(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính)	09	

Ngày … tháng… năm…

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 005.N/BCB-YT: Công tác tuyên truyền thay đổi hành vi của thanh niên đối với những đối tượng dễ bị tổn thương

1. Khái niệm, phương pháp tính

Chỉ tiêu dùng để đánh giá mức độ quan tâm và tiến bộ trong nhận thức xã hội đối với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, người đồng tính, song tính và chuyển giới. Thanh niên là nhóm dân số trẻ và tiến bộ trong xã hội, vì vậy việc thanh niên được tiếp cận với các kiến thức và tránh những hiểu biết sai lầm dẫn đến thái độ kỳ thị đối với nhóm người dễ bị tổn thương, người đồng tính, song tính, chuyển giới.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số thanh niên được tuyên truyền thay đổi hành vi thái độ kỳ thị, phân biệt đối xử với các đối tượng thanh niên dễ bị tổn thương, người đồng tính, song tính, chuyển giới tương ứng với các dòng trong cột A.

3. Nguồn số liệu

- Dữ liệu hành chính
- Điều tra thống kê